

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71 /2017/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 12 - 2017

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lưu Văn Tỉnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Tuân

2. Ông Đỗ Văn Thư

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Thơ – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 309/2017/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1988, cư trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Đỗ Đăng T, sinh năm 1986, cư trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại các bản tự khai nguyên đơn là chị Nguyễn Thị O trình bày:

Chị và anh Đỗ Đăng T kết hôn do tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng vào năm 2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Thôn N, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng. Trong quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T chơi bời, không chịu làm ăn, không quan tâm đến gia đình, lại mắc vào tệ nạn xã hội, nghiện ma túy, thường xuyên đánh đập

chửi bới vợ con. Vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, tình cảm rạn nứt. Mặc dù, mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hai bên khuyên giải góp ý rất nhiều, bản thân chị cũng đã cố gắng cùng anh T nói chuyện để tìm hướng khắc phục mâu thuẫn vợ chồng nhưng không có kết quả. Anh T không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng ngày một căng thẳng, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh T không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Đăng T để giải phóng hai bên khỏi sự ràng buộc bởi quan hệ hôn nhân.

Về con chung: Chị và anh Đỗ Đăng T có 02 con chung là: Đỗ Đăng L, sinh ngày 24 tháng 01 năm 2005 và Đỗ Thị Trà M, sinh ngày 06 tháng 7 năm 2006. Ly hôn, chị O đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Về tài sản chung: Chị và anh Đỗ Đăng T tự phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23 tháng 10 năm 2017, bị đơn là anh Đỗ Đăng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị O kết hôn do tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng vào năm 2005. Sau ngày cưới, vợ chồng về sống tại Thôn N, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng. Trong quá trình chung sống vợ chồng luôn hòa thuận, hạnh phúc, tuy đôi lúc xảy ra va chạm vì anh mãi chơi nhưng không phải là anh không quan tâm vợ con như chị O trình bày. Khi vợ chồng cãi vã, chị O về sống ở nhà ngoại, anh luôn cố gắng tìm cách hàn gắn tình cảm với chị O để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị O không đồng ý. Nay, chị O đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh xác định vẫn còn tình cảm với chị O nên không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giúp đỡ để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Anh và chị O có 02 con chung là Đỗ Đăng L, sinh ngày 24 tháng 01 năm 2005 và Đỗ Thị Trà M, sinh ngày 06 tháng 7 năm 2006. Nếu vợ chồng ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao hai con chung cho anh nuôi dưỡng và không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con cho anh.

Về tài sản chung: Anh và chị Nguyễn Thị O không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Đỗ Đăng T được Tòa án triệu tập tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại các buổi hòa giải và tại phiên tòa không có lý do đã vi phạm Điều 70 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị O.

Xử cho chị Nguyễn Thị O được ly hôn với anh Đỗ Đăng T. Giao hai con chung Đỗ Đăng L, sinh ngày 24 tháng 01 năm 2005 và Đỗ Thị Trà M, sinh ngày 06 tháng 7 năm 2006 cho chị O nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi dưỡng con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi nếu không có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh Đỗ Đăng T cho chị Nguyễn Thị O, khi nào chị O có yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị O và anh Đỗ Đăng T không có tài sản chung, không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị O phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về việc xét xử vắng mặt đương sự:* Chị Nguyễn Thị O có đơn xin xử vắng mặt; anh Đỗ Đăng T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục tố tụng nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt tại Tòa án không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị O và anh Đỗ Đăng T.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ vào lời khai của các đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập đã có đủ cơ sở xác định chị Nguyễn Thị O và anh Đỗ Đăng T kết hôn với nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng vào năm 2005. Trong quá trình chung sống của vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, anh T mãi chơi, sa vào tệ nạn xã hội nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, tình cảm rạn nứt. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị O và anh T đã căng thẳng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị O xin ly hôn với anh Đỗ Đăng T là có căn cứ chấp nhận. Anh T không đồng ý ly hôn nhưng lại không đưa ra được giải pháp gì để khắc phục mâu thuẫn. Hơn nữa, Tòa án đã nhiều lần báo anh Đỗ Đăng T đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Như vậy, việc anh T không đồng ý ly hôn chỉ nhằm mục đích kéo dài, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án nên không có cơ sở chấp nhận.

[3] *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị O và anh Đỗ Đăng T có 02 con chung là: Đỗ Đăng L, sinh ngày 24 tháng 01 năm 2005 và Đỗ Thị Trà M, sinh ngày 06 tháng 7 năm 2006. Chị O và anh T đều có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung sau khi vợ chồng ly hôn. Xét điều kiện của chị O và anh T thấy rằng, hiện tại chị O là công nhân, có thu nhập ổn định, bản thân anh T làm nghề tự do, công việc không ổn định, lại sa vào tệ nạn xã hội, thường xuyên vắng nhà nên việc anh T nuôi dưỡng các con chung không thể đảm bảo cho con chung được phát triển trong điều kiện tốt nhất. Mặt khác, các con chung đều có nguyện vọng được sống

cùng chị O nên giao cả hai con chung cho chị O nuôi dưỡng là phù hợp. Chị Nguyễn Thị O không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con cho chị. Xét quan điểm của chị O là tự nguyện không trái quy định của pháp luật nên chấp nhận. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh Đỗ Đăng T cho chị Nguyễn Thị O. Khi nào chị O có yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị O và anh Đỗ Đăng T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị O phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Nguyễn Thị O được ly hôn anh Đỗ Đăng T.

2. Xử: Giao các con chung Đỗ Đăng L, sinh ngày 24 tháng 01 năm 2005 và Đỗ Thị Trà M, sinh ngày 06 tháng 7 năm 2006 cho chị Nguyễn Thị O nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi dưỡng các con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi nếu không có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh Đỗ Đăng T cho chị Nguyễn Thị O. Khi nào chị O có yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị O phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước, chị O đã nộp số tiền tạm ứng án phí 300.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện A (Biên lai thu tiền số 0007298 ngày 03 tháng 10 năm 2017) nên không phải nộp nữa.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- THADS huyện A;
- Đương sự;
- UBND xã Đ (nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án, HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Văn Tỉnh